

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG  
TRƯỜNG CAO ĐẲNG VĨNH LONG

# CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Kèm theo Quyết định số 402/QĐ-CDVL ngày 25 tháng 8 năm 2022  
của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Vĩnh Long)

**Ngành đào tạo: Công nghệ thông tin (Ứng dụng phần mềm)**  
**Mã ngành: 6480202**

Vĩnh Long, 2022

Bm 12

## CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

**Tên ngành, nghề: CÔNG NGHỆ THÔNG TIN (ỨNG DỤNG PHẦN MỀM)**

**Mã ngành, nghề: 6480202**

**Trình độ đào tạo: CAO ĐẲNG**

**Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương trở lên.**

**Thời gian đào tạo: 3 năm.**

### 1. Mục tiêu đào tạo

#### 1.1. Mục tiêu chung:

Chương trình Cao đẳng Công nghệ thông tin (Ứng dụng phần mềm) trang bị và tạo điều kiện thuận lợi cho Người học những kiến thức và kỹ năng về công nghệ thông tin và tiếp cận với các công nghệ mới trong lĩnh vực Công nghệ thông tin.

Người học tốt nghiệp có khả năng vận dụng những kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp được đào tạo vào thực tế công tác; có khả năng tự học tập để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và học liên thông lên Đại học cùng nhóm ngành.

#### 1.2. Mục tiêu cụ thể:

##### **Kiến thức:**

Đọc hiểu các tài liệu chuyên ngành Công nghệ Thông tin bằng tiếng Anh.

Mô tả hiện trạng hệ thống thông tin quản lý của một số loại hình doanh nghiệp.

Đánh giá ưu nhược điểm về thực trạng ứng dụng phần mềm của doanh nghiệp.

Đề xuất những giải pháp ứng dụng phần mềm cụ thể để mang lại hiệu quả cao trong hoạt động doanh nghiệp.

Biết hoạch định và lập kế hoạch triển khai ứng dụng phần mềm.

Xây dựng các sản phẩm phần mềm ứng dụng hỗ trợ các hoạt động của một số loại hình doanh nghiệp.

##### **Kỹ năng:**

Chỉ huy nhóm kỹ thuật viên tin học.

Kiểm tra, giám sát được việc thực hiện công việc của người có trình độ trung cấp nghề.

Sử dụng thành thạo máy tính trong công việc văn phòng.

Phối hợp với các chuyên gia phần mềm để khảo sát, thiết kế hệ thống phần mềm phục vụ hoạt động doanh nghiệp.

Tham gia quản lý dự án phát triển phần mềm cho doanh nghiệp.

Xử lý các sự cố khi vận hành các phần mềm ứng dụng.

Vận hành quy trình an toàn - bảo mật dữ liệu trong hệ thống, sao lưu - phục hồi dữ liệu.

Thiết kế và quản trị website phục vụ quảng bá, sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Thiết kế, chỉnh sửa ảnh và các chương trình đa phương tiện phục vụ hoạt động doanh nghiệp.

Lập kế hoạch kiểm tra - bảo trì - nâng cấp các phần mềm trong hệ thống một cách độc lập.

Sử dụng thành thạo các phần mềm tin học vào công tác quản lý và văn phòng, có khả năng tiếp cận, giải quyết các vấn đề thực tế trong công tác trên máy vi tính.

Thiết kế, xây dựng, vận hành, bảo trì và phát triển hệ thống thông tin cho các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp.

Xử lý phim, dựng phim.

Xây dựng được hoàn chỉnh được một phần mềm quản lý.

### **Năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm:**

Người học nhận thức được vị trí, trách nhiệm của mình, sẵn sàng đảm nhiệm các công việc được giao. Chấp hành pháp luật của nhà nước, nội quy, quy chế tại nơi làm việc. Trung thực, thẳng thắn, có tinh thần hợp tác với đồng nghiệp, say mê với công việc.

Người học có ý thức tổ chức kỷ luật, tác phong chuyên nghiệp và tuân thủ các quy định về bảo mật. Có khả năng chủ động hội nhập để thích nghi với cuộc sống và môi trường làm việc chuyên nghiệp.

### **1.3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp:**

Sau khi tốt nghiệp Người học sẽ làm việc trong các cơ quan, doanh nghiệp có nhu cầu ứng dụng phần mềm tin học trong các hoạt động quản lý, nghiệp vụ kinh doanh sản xuất. Cụ thể:

Chuyên viên tư vấn và chuyển giao phần mềm ứng dụng.

Chuyên viên thiết kế phần mềm ứng dụng.

Chuyên viên quản trị hệ thống phần mềm và cơ sở dữ liệu.

Chuyên viên bảo trì hệ thống máy tính.

Chuyên viên thiết kế và quản trị website.

Chuyên viên thiết kế đa phương tiện.

## **2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học toàn khóa học:**

- Số lượng môn học, mô đun: **36**

- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: **99** Tín chỉ

- Khối lượng các môn học chung/đại cương: **435** giờ

- Khối lượng các môn học, mô đun chuyên môn: **2,055** giờ

- Khối lượng lý thuyết: **757** giờ; Thực hành, thực tập, thí nghiệm: **1,635** giờ

### 3. Nội dung chương trình:

Mã MH/ MĐ	Tên môn học/mô đun	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/thí nghiệm/ bài tập/ thảo luận	Thi/ Kiểm tra
<b>I</b>	<b>Các môn học chung</b>	<b>19</b>	<b>435</b>	<b>157</b>	<b>255</b>	<b>23</b>
VDT6001	Giáo dục chính trị	4	75	41	29	5
VDT6002	Pháp luật	2	30	18	10	2
VDT6003	Giáo dục thể chất	2	60	5	51	4
VDT6004	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	3	75	36	35	4
VDT6005	Tin học	3	75	15	58	2
VDT6006	Ngoại ngữ (Tiếng Anh)	5	120	42	72	6
<b>II</b>	<b>Các môn học, mô đun chuyên môn</b>					
<b>II.1</b>	<b>Môn học, mô đun cơ sở</b>	<b>19</b>	<b>450</b>	<b>180</b>	<b>251</b>	<b>19</b>
VTH6101	Toán ứng dụng trong tin học	2	45	15	28	2
VDT6032	Tin học văn phòng	3	75	15	57	3
VTH6103	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	3	75	30	42	3
TH69903	Lập trình căn bản	3	75	30	42	3
VTH6105	Cơ sở dữ liệu	3	75	30	42	3
TH69906	Mạng máy tính	2	45	15	28	2
VTH6107	Lập trình hướng đối tượng	3	60	30	27	3
<b>II.2</b>	<b>Môn học, mô đun chuyên môn</b>	<b>57</b>	<b>1500</b>	<b>405</b>	<b>1043</b>	<b>52</b>
VTH6108	Anh văn chuyên ngành	2	45	30	13	2
TH69902	Khai thác Internet	2	45	15	28	2
TH69913	Quản trị cơ sở dữ liệu với MS Access	3	75	30	42	3
TH69916	Quản trị cơ sở dữ liệu với SQL Server	3	75	30	42	3
VTH6112	Hệ điều hành Windows Server	3	75	15	57	3
TH69905	Lập trình Windows	3	75	30	42	3
TH69911	Xử lý ảnh với Photoshop	3	75	15	57	3
TH69915	Lập trình Java	3	75	30	42	3
TH69904	Lập trình cơ sở dữ liệu với C#	3	75	30	42	3
TH69908	Thiết kế đồ họa với Corel Draw	2	45	15	28	2

TH69909	Thiết kế và quản trị Website	3	75	15	57	3
TH69910	Lắp ráp và cài đặt máy tính	3	75	15	57	3
TH69901	Hệ điều hành mã nguồn mở	2	45	15	28	2
VTH6121	Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin	2	45	15	28	2
VTH6122	Lập trình Web với ASP.NET	3	75	15	57	3
VTH6123	Lập trình ứng dụng di động	3	75	15	57	3
TH69914	An toàn và bảo mật thông tin	3	75	45	27	3
TH69912	Xử lý phim	3	75	15	57	3
TH69907	Quản trị mạng	3	75	15	57	3
VTH6130	Thực tập trải nghiệm	1	45	0	45	0
VTN6000	Thực tập tốt nghiệp	4	180	0	180	0
<b>II.3</b>	<b>Môn học, mô đun tự chọn</b> (Chọn 1 trong 2 môn sau)	4	105	15	86	4
VTH6132	Xây dựng phần mềm quản lý	4	105	15	86	4
VTH6133	Xây dựng Website thương mại điện tử	4	105	15	86	4
<b>Tổng cộng</b>		<b>99</b>	<b>2490</b>	<b>757</b>	<b>1635</b>	<b>98</b>

#### 4. Hướng dẫn sử dụng chương trình

4.1. Các môn học chung bắt buộc do Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội / Bộ Giáo dục và Đào tạo phối hợp với các Bộ/ngành tổ chức xây dựng và ban hành để áp dụng thực hiện.

4.2. Hướng dẫn xác định nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa: Thời gian cho hoạt động ngoại khóa được bố trí ngoài thời gian đào tạo chính khóa vào thời điểm phù hợp:

Số TT	Nội dung	Thời gian
1	Thể dục, thể thao	5 giờ đến 6 giờ; 17 giờ đến 18 giờ hàng ngày
2	Văn hoá, văn nghệ: Qua các phương tiện thông tin đại chúng; Sinh hoạt tập thể	Ngoài giờ học hàng ngày 19 giờ đến 21 giờ (một buổi/tuần)
3	Hoạt động thư viện: Ngoài giờ học, học sinh có thể đến thư viện đọc sách và tham khảo tài liệu	Tất cả các ngày làm việc trong tuần
4	Vui chơi, giải trí và các hoạt động đoàn thể	Đoàn thanh niên tổ chức các buổi giao lưu, các buổi sinh hoạt vào các tối thứ bảy, chủ nhật
5	Thăm quan, dã ngoại	Mỗi học kỳ 1 lần

4.3. Hướng dẫn tổ chức kiểm tra hết môn học, mô đun: Thực hiện theo phương thức tích lũy tín chỉ quy định tại Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13 tháng 3 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, Quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên

chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ, quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp. Người học được công nhận tốt nghiệp nếu thỏa các điều kiện sau:

- Tích lũy đủ số tín chỉ quy định của chương trình.
- Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học theo thang điểm 4,0 đạt từ 2,0 trở lên.

- Không trong thời gian bị kỷ luật từ mức đình chỉ học tập có thời hạn trở lên hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

- Thỏa các yêu cầu khác do Hiệu trưởng trường quy định.

- Cách tính điểm: Mỗi môn học phải có ít nhất một cột điểm kiểm tra thường xuyên, một cột điểm kiểm tra định kỳ và điểm thi kết thúc môn. Tất cả điểm kiểm tra, điểm thi được tính theo thang điểm 10, giảng viên dạy làm tròn đến một chữ số thập phân. Cách tính điểm cụ thể như sau:

- + Kiểm tra thường xuyên: hệ số 1

- + Kiểm tra định kỳ: hệ số 2

- + Điểm trung bình kiểm tra = [kiểm tra thường xuyên + (kiểm tra định kỳ \* 2)]/3

- + Thi kết thúc môn học

- + Điểm TB cuối môn = (trung bình kiểm tra \* 0.4) + (Điểm thi kết thúc môn học \* 0.6)

**Điểm môn học sẽ được làm tròn đến một chữ số thập phân. Điểm môn học được công bố và nhập vào hệ thống quản lý điểm theo thang điểm 10 và quy đổi sang thang điểm chữ như sau:**

<b>Điểm môn học (thang điểm 10)</b>	<b>Điểm môn học (quy ra điểm chữ)</b>	<b>Điểm môn học (quy ra thang điểm 4)</b>
8,5 – 10,0	A	4,0
8,0 – 8,4	B+	3,5
7,0 – 7,9	B	3,0
6,5 – 6,9	C+	2,5
5,5 – 6,4	C	2,0
5,0 – 5,4	D+	1,5
4,0 – 4,9	D	1,0
0,0 – 3,9	F	0,0

4.4. Hướng dẫn xét công nhận tốt nghiệp theo phương thức tích lũy tín chỉ: Thực hiện Chương II (Điều 19 – 26), Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTBXH của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội ngày 13 tháng 3 năm 2017 Quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo

phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ, quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp.

+ Người học phải học hết chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng theo từng ngành, nghề và phải tích lũy đủ số mô-đun hoặc tín chỉ theo quy định trong chương trình đào tạo.

+ Hiệu trưởng trường căn cứ vào kết quả tích lũy của người học để quyết định việc công nhận tốt nghiệp ngay cho người học hoặc phải làm chuyên đề, khóa luận làm điều kiện xét tốt nghiệp.

+ Hiệu trưởng căn cứ vào kết quả xét công nhận tốt nghiệp để cấp bằng tốt nghiệp và công nhận danh hiệu kỹ sư thực hành hoặc cử nhân thực hành (đối với trình độ cao đẳng) theo quy định của trường.

4.5. Các chú ý khác (nếu có):

Vĩnh Long, ngày tháng năm 2022

**TM. KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN**

**TM. TỔ BIÊN SOẠN**



**NGUYỄN NGỌC ĐOÀN TRANG**

**TRỊNH THANH KHÂM**

**DUYỆT CỦA HIỆU TRƯỞNG**



*ThS. Trần Minh Cổ*

### CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Tên ngành, nghề: CÔNG NGHỆ THÔNG TIN (ỨNG DỤNG PHẦN MỀM)

Mã ngành, nghề: 6480202

Trình độ đào tạo: CAO ĐẲNG

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương trở lên.

Thời gian đào tạo: 3 năm.

Kế hoạch dạy:

Mã MH/ MĐ	Tên môn học/mô đun	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/thí nghiệm/bài tập/thảo luận	Thi/ Kiểm tra
<b>I. Học kỳ I</b>						
VDT6003	Giáo dục thể chất 1	1	30	2	26	2
VDT6002	Pháp luật	2	30	18	10	2
VDT6005	Tin học	3	75	15	58	2
VTH6101	Toán ứng dụng trong tin học	2	45	15	28	2
TH69902	Khai thác Internet	2	45	15	28	2
TH69906	Mạng máy tính	2	45	15	28	2
TH69903	Lập trình căn bản	3	75	30	42	3
<b>Tổng cộng</b>		<b>15</b>	<b>345</b>	<b>110</b>	<b>220</b>	<b>15</b>
<b>II. Học kỳ II</b>						
VDT6003	Giáo dục thể chất 2	1	30	3	25	2
VDT6006	Ngoại ngữ (Tiếng Anh 1)	3	60	21	36	3
VDT6004	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	3	75	36	35	4
VDT6032	Tin học văn phòng	3	75	15	57	3
VTH6103	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	3	75	30	42	3
VTH6105	Cơ sở dữ liệu	3	75	30	42	3
<b>Tổng cộng</b>		<b>16</b>	<b>390</b>	<b>135</b>	<b>237</b>	<b>18</b>
<b>III. Học kỳ III</b>						
VDT6001	Giáo dục chính trị 1	2	30	20	8	2
VDT6006	Ngoại ngữ (Tiếng Anh 2)	2	60	21	36	3
VTH6108	Anh văn chuyên ngành	2	45	30	13	2
TH69913	Quản trị cơ sở dữ liệu với MS Access	3	75	30	42	3



TH69911	Xử lý ảnh với Photoshop	3	75	15	57	3
VTH6107	Lập trình hướng đối tượng	3	60	30	27	3
VTH6121	Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin	2	45	15	28	2
TH69910	Lắp ráp và cài đặt máy tính	3	75	15	57	3
<b>Tổng cộng</b>		<b>20</b>	<b>465</b>	<b>176</b>	<b>268</b>	<b>21</b>
<b>IV.</b>	<b>Học kỳ IV</b>					
VDT6001	Giáo dục chính trị 2	2	45	21	21	3
TH69917	Lập trình Windows	3	75	30	42	3
TH69908	Thiết kế đồ họa với Corel Draw	2	45	15	28	2
TH69901	Hệ điều hành mã nguồn mở	2	45	15	28	2
TH69914	An toàn và bảo mật thông tin	3	75	45	27	3
TH69916	Quản trị cơ sở dữ liệu với SQL Server	3	75	30	42	3
VTH6130	Thực tập trải nghiệm	1	45	0	45	0
<b>Tổng cộng</b>		<b>16</b>	<b>405</b>	<b>156</b>	<b>233</b>	<b>16</b>
<b>V.</b>	<b>Học kỳ V</b>					
TH69904	Lập trình cơ sở dữ liệu với C#	3	75	30	42	3
VTH6112	Hệ điều hành Windows Server	3	75	15	57	3
TH69909	Thiết kế và quản trị Website	3	75	15	57	3
TH69915	Lập trình Java	3	75	30	42	3
TH69907	Quản trị mạng	3	75	15	57	3
<b>Tổng cộng</b>		<b>15</b>	<b>375</b>	<b>105</b>	<b>255</b>	<b>15</b>
<b>VI.</b>	<b>Học kỳ VI</b>					
VTH6122	Lập trình Web với ASP.NET	3	75	15	57	3
TH69912	Xử lý phim	3	75	15	57	3
VTH6123	Lập trình ứng dụng di động	3	75	15	57	3
VTH6132	Xây dựng phần mềm quản lý	4	105	15	86	4
VTH6133	Xây dựng Website thương mại điện tử					
VTN6000	Thực tập tốt nghiệp	4	180	0	180	0
<b>Tổng cộng</b>		<b>17</b>	<b>510</b>	<b>60</b>	<b>437</b>	<b>13</b>

Vĩnh Long, ngày tháng năm 2022

TM. KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

TM. TỔ BIÊN SOẠN




NGUYỄN NGỌC ĐOÀN TRANG

TRỊNH THANH KHÂM

DUYỆT CỦA HIỆU TRƯỞNG



ThS. Trần Minh Tố